TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 – ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 187/2025/DS-ST Ngày: 29-9-2025 V/v tranh chấp chia di sản thừa kế, yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Thực;

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Huỳnh Văn Thanh;
- Ông Huỳnh Văn Hoàn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Phạm Trung Thái – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 44/2018/TLST-DS ngày 25 tháng 01 năm 2018 về tranh chấp *"Chia di sản thừa kế, yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 170/2025/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị T, sinh năm 1929; cư trú tại: Ấp T, xã H, tỉnh Đồng Tháp (Trước đây là: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Anh Hồ Trung T1, sinh năm 1977; cư trú tại: Số H B, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh (Trước đây là: Số H B, Phường E, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh). Theo văn bản ủy quyền lập ngày 14-4-2021. (Có mặt)

- *Bị đơn:*

+ Ông Võ Văn Ú, sinh năm 1966;

+ Bà Nguyễn Thị Cẩm C, sinh năm 1970;

Cùng cư trú tại: Ấp T, xã H, tỉnh Đồng Tháp (Trước đây là: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang). Nơi ở hiện nay: Ấp L, xã P, tỉnh Vĩnh Long (Trước đây là: Ấp L, xã V, huyện C, tỉnh Bến Tre).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông Võ Văn Bé H, sinh năm 1945; cư trú tại: Ấp T, xã H, tỉnh Đồng Tháp (Trước đây là: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang).

+ Ông Võ Văn Bé B, sinh năm 1950; (Vắng mặt)

+ Bà Võ Thị Bé T2, sinh năm 1955; (Có mặt)

+ Ông Võ Văn P, sinh năm 1964; (Xin vắng mặt)

Cùng cư trú tại: Ấp T, xã H, tỉnh Đồng Tháp (Trước đây là: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang).

+ Bà Võ Thị Bé S, sinh năm 1961; cư trú tại: Ấp L, xã P, tỉnh Vĩnh Long (Trước đây là: Ấp L, xã V, huyện C, tỉnh Bến Tre). (Có mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của ông Bé H, bà Bé T2, bà S: Anh Hồ Trung T1, sinh năm 1977; cư trú tại: Số H B, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh (Trước đây là: Số H B, Phường E, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh). Theo văn bản ủy quyền lập ngày 14-4-2021. (Có mặt)

+ Anh Võ Minh T3, sinh năm 1994; cư trú tại: Ấp T, xã H, tỉnh Đồng Tháp (Trước đây là: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang). Nơi ở hiện nay: Ấp L, xã P, tỉnh Vĩnh Long (Trước đây là: Ấp L, xã V, huyện C, tỉnh Bến Tre). (Có mặt)

+ Anh Võ Văn Q, sinh năm 1971; cư trú tại: Ấp T, xã H, tỉnh Đồng Tháp (Trước đây là: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang). (Xin vắng mặt)

+ Anh Nguyễn Thanh H1, sinh năm 1978; cư trú tại: Ấp A, xã L, tỉnh Đồng Tháp (Trước đây là: Ấp A, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang). (Xin vắng mặt)

+ Ủy ban nhân dân xã H, tỉnh Đồng Tháp (Kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang). Địa chỉ trụ sở: Ấp H, xã H, tỉnh Đồng Tháp. Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Công T4 – Chức vụ: Chủ tịch. (Có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết tại Tòa án, nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, anh Hồ Trung T1 trình bày:

Vợ chồng cụ Lê Thị T và Võ Văn H, sinh năm 1923, chết năm 2017, trong thời gian chung sống có tạo lập được khối tài sản chung là quyền sử dụng đất đối với các thửa đất số 1034, diện tích 3.453m^2 và thửa 1019, diện tích 4.446m^2 tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang (Nay là ấp T, xã H, tỉnh Đồng Tháp) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00717QSDĐ/1/28 ngày 26-02-1996

của Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho cụ Võ Văn H. Vào năm 2009, lúc cụ T, cụ H làm thủ tục tặng cho thửa đất 1019 cho các con thì ông Võ Văn Ú cùng vợ là bà Nguyễn Thị Cẩm C đã lợi dụng cụ H, cụ T tuổi già nên lừa gạt ký sang tên cho vợ chồng ông Ú thửa đất số 1034. Trên thực tế thì thửa đất 1034 vẫn do cụ H, cụ T quản lý sử dụng. Để thực hiện việc sang tên, ông Ú đã giả mạo chữ ký của ông Bé H, bà Bé S và tự lập biên bản họp mặt gia đình, giả mạo chữ ký của các thành viên trong gia đình để thực hiện việc sang tên đối với thửa đất số 1034. Đến đầu năm 2017, gia đình cụ T mới phát hiện sự việc trên và yêu cầu vợ chồng ông Ú, bà C trả lại quyền sử dụng đất nhưng vợ chồng ông Ú không đồng ý mà còn đuổi ông H ra khỏi nhà. Do đó, cụ T yêu cầu hủy biên bản họp mặt gia đình ngày 08-02-2009; Hủy hợp đồng tặng cho số 08 HĐ-TC ngày 09-02-2009 được Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang ký xác nhận ngày 10-02-2009; Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H04969 ngày 27-02-2009 và số H04968 ngày 27-02-2009 của Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho ông Võ Văn Ú và bà Nguyễn Thị Cẩm C; Hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Võ Văn Ú, bà Nguyễn Thị Cẩm C và anh Võ Minh T3 lập ngày 08-7-2017. Xác định phần đất qua đo đạc thực tế có diện tích tại các vị trí 1, 2, 3 trên Bản đồ địa chính khu đất (Trích đo) ngày 30-12-2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C (Nay là Chi nhánh Văn phòng Đ, tỉnh Đồng Tháp) là tài sản của cụ Võ Văn H và Lê Thị T. Chia cho cụ T một nửa phần đất này, đối với phần của cụ Võ Văn H, cụ Lê Thị T yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật, được nhận 01 kỷ phần theo quy định. Cụ T xin nhận bằng hiện vật là phần đất khoảng 1.973,1m^2, đối với căn nhà cấp 4 trên phần đất tranh chấp là nhà thờ ông bà cha mẹ nên không chia mà dùng vào việc thờ cúng ông bà.

Qua đo đạc thực tế, ranh giới sử dụng thực tế và ranh giới theo bản đồ chính quy có thay đổi, nên đối với vị trí giáp với Nguyễn Thị M, Lê Thị Hồng D, Lê Thanh N cụ T yêu cầu xác định theo ranh giới thực tế theo bản vẽ; tại vị trí giáp với Đào Văn T5, đoạn 4,49m xác định theo ranh thực tế, đoạn 29,35m xác định ranh theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cụ không tranh chấp ranh giới với những người này.

Đối với yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho số 08 HĐ-TC ngày 09-02-2009 được Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang ký xác nhận ngày 10-02-2009, cụ T5 không yêu cầu Ủy ban nhân dân xã T phải giải thích việc chứng thực, không yêu cầu phải bồi thường thiệt hại nên đề nghị Tòa án không đưa vào tham gia tố tụng.

Bị đơn, ông Võ Văn Ú, bà Nguyễn Thị Cẩm C trình bày: Vào trước năm 2009, ông bà sống chung cha mẹ là cụ Lê Thị T, Võ Văn H và có thuê chị ruột là bà Võ Thị Bé S về phụ giúp việc nhà. Đến năm 2009, cha mẹ ông Ú có mở cuộc họp phân chia phần đất nông nghiệp là 02 mảnh đất, gồm mảnh 4.500m^2 và

mảnh 3.700m^2 làm 04 phần. Cụ thể, ông Võ Văn Bé B được chia 1.800m^2 và đã bán lại cho cháu là Võ Văn Q; Võ Văn P được chia 1.800m^2; Võ Thị B1 Sáu được chia 900m^2 và 01 cây vàng 24K; ông Ú được chia 3.700m^2. Việc phân chia này cha mẹ ông đã thực hiện cùng lúc và ký tên trước mặt cán bộ địa chính và Chủ tịch xã T thời điểm đó. Đến khi nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông Ú đi nhận và phát lại cho từng người. Sau khi được chia đất, ông Ú cùng cụ H, cụ T vẫn canh tác chung nhưng tiền thì cha mẹ cất giữ đến lúc cha mẹ mất thì ông Ú sẽ lấy lại. Lúc cha mẹ đau ốm, lúc nào vợ chồng ông Ú cũng túc trực phụng dưỡng và chăm sóc đàng hoàng. Đến năm 2018, khi cụ H chết, vợ chồng ông đã lo mồ mã cho cha xong, cha chết được 03 ngày thì các anh chị là Võ Thị Bé T2, Võ Thị Bé S, Võ Văn Bé H gạt mẹ ông chở đi nơi khác, vu khống ông đuổi mẹ đi, lúc đó ông Ú có làm đơn báo công an ấp biết. Khi cha chết được 49 ngày, các anh chị ông là ông H, bà T2, bà S kéo đến nhà ngang nhiên rượt đánh, hăm dọa và đuổi cả nhà ông bà đi. Ông Ú có nhờ công an xã giải quyết, phía công an có kêu ông trở về nhưng vì sợ ảnh hưởng đến tính mạng nên vợ chồng ông và con đã bỏ nhà đi sang Chợ L, Bến Tre sinh sống. Sau đó, ông H, bà T2, bà S còn đốn 15 cây chôm chôm lâu năm và bán 01 cây mai cổ trị giá 100.000.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án, vợ chồng ông có về chứng kiến việc xem xét thẩm định thì phát hiện cửa phòng ông bà bị cạy và mất 02 chỉ rưỡi vàng nữ trang và 50.000.000 đồng, công an xã có đến chụp hình và lập biên bản. Hơn nữa, khi cụ T2 khởi kiện thì lúc đó tinh thần của bà không ổn định, đi đứng không vững vàng, ăn uống khó khăn nên không thể ủy quyền cho bà Võ Thị Bé T2 được. Ông Ú, bà C khẳng định ông bà được cha mẹ là cụ T2, cụ H tặng cho hai thửa đất 345, tờ bản đồ số 18, diện tích 1.380m^2 và thửa đất 316, tờ bản đồ số 18, diện tích 2.345m^2 tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang (Nay là ấp T, xã H, tỉnh Đồng Tháp). Nguồn gốc của hai thửa đất này là thửa 1034 của cụ Võ Văn H đứng tên quyền sử dụng đất trước đây. Việc ông bà được cấp quyền sử dụng đất là dựa trên biên bản họp mặt gia đình và hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất có tất cả các thành viên trong gia đình ký tên. Do bà Võ Thị Bé T2 không có tên trong sổ hộ khẩu nên không có ký tên. Ngày lập biên bản họp mặt gia đình và tặng cho đất cho ông bà thì cả gia đình còn thỏa thuận tặng cho 03 người nữa là Võ Văn P, Võ Văn Bé B và Võ Thị Bé S và những người này cũng đã được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cùng lúc với ông bà. Do đó, nếu như cụ T2 cho rằng thủ tục tặng cho, phân chia di sản cho ông bà đối với hai thửa đất trên sai là không có căn cứ. Vì vậy, nay ông bà không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập. Đối với ý kiến của con các ông bà là anh Võ Minh T3 đồng ý chia cho bà S 01 công đất tại vị trí nhà anh Q thì ông bà đồng ý, để anh T3 tự quyết định vì ông bà đã tặng cho đất lại cho anh T3. Hiện

nay hai thửa đất 345 và 316 ông bà đã chuyển nhượng cho anh Nguyễn Thanh H1 là con rể của ông Võ Văn Bé B và đã nhận số tiền 1.800.000.000 đồng nhưng chưa giao đất. Trên thửa đất 316, ông bà có cho cháu là anh Võ Văn Q cất nhà ở tạm trong 10 năm và có làm giấy tay ngày 18-12-2009.

Anh Hồ Trung T1 là đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Võ Văn Bé H, Võ Thị Bé T2, Võ Thị Bé S trình bày: Thống nhất với yêu cầu của cụ Lê Thị T, bà Võ Thị Bé T2 giữ nguyên yêu cầu khởi kiện độc lập, yêu cầu chia di sản thừa kế của cha bà là ông Võ Văn H để lại theo quy định của pháp luật, bà T2 yêu cầu được nhận bằng hiện vật và tặng cho lại cho bà S.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Võ Văn P trình bày: Thửa đất 1034, tờ bản đồ số 2, diện tích 3.453m^2 là tài sản chung của cha mẹ ông là cụ Võ Văn H và Lê Thị T. Ông xác nhận có ký tên vào biên bản họp mặt gia đình ngày 08-02-2009. Biên bản được lập tại nhà cha ông là cụ Võ Văn H, lúc đó chỉ có mặt ông và ông Võ Văn Ú, ngoài ra không có ai khác. Nội dung biên bản là do ông Ú soạn thảo sẵn, ông Ú kêu ông ký để làm thủ tục cấp giấy đất, ông ký vào biên bản trước, còn nội dung xác nhận của trưởng ấp, Ủy ban nhân dân xã và những anh em khác thì chưa có. Vợ chồng ông Ú, bà C đã đi Bến Tre sinh sống hơn mười mấy năm trở lại đây, không có canh tác phần đất 3.725m^2, bà Võ Thị Bé S là người sống cùng cha là cụ H cho đến khi cụ H chết. Trong trường hợp có chia di sản thừa kế đối với phần đất thuộc thửa 1034 thì ông từ chối nhận phần di sản, không cho ai phần di sản mà ông được hưởng, ông không tranh chấp và yêu cầu Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, anh Võ Minh T3 trình bày: Anh được cha mẹ tặng cho hai thửa đất 345, tờ bản đồ số 18, diện tích 1.380m^2 và thửa đất 316, tờ bản đồ số 18, diện tích 2.345m^2 tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang (Nay là ấp T, xã H, tỉnh Đồng Tháp) hoàn toàn đúng pháp luật. Từ lúc được cha mẹ tặng cho đất, anh không canh tác sử dụng được vì bị các cô, các bác là bà Võ Thị Bé S, bà Võ Thị Bé T2 và ông Võ Văn Bé H ngăn cản không cho ở trong nhà và canh tác đất. Nay anh đồng ý chia cho bà S 01 công đất tại vị trí căn nhà ông Q, nếu như phía nguyên đơn không đồng ý thì anh yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ông Võ Văn Bé H trình bày: Ông là con lớn nhất của cụ Võ Văn H và Lê Thị T. Các em của ông là Võ Văn Bé B, Võ Thị Bé T2, Võ Thị Bé S, Võ Văn P và Võ Văn Ú (Cụ H, cụ T2 không có con riêng, người con thứ năm là Võ Thị B1 Năm chết lúc còn nhỏ, không có chồng con). Ông nội bà nội, ông ngoại bà ngoại của ông đã chết, chết trước cha ông. Lúc còn sống, cha ông có tạo lập được: Hiện đang còn 02 công vườn (Nguồn gốc từ nhận chuyển nhượng), 02 công vườn của ông bà nội cho; phần còn lại đã tặng cho ông 02 công đất hoang, tặng

cho ông B1 Ba 1,8 công đất vườn, tặng cho bà B1 Tư 02 công đất ruộng, tặng cho bà B1 Sáu 800m^2 đất vườn, tặng cho ông P 1,8 công đất vườn, tặng cho ông Ú 3,3 công đất vườn (Không tính phần đang tranh chấp). Việc cha ông lập Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 09-02-2009 và Biên bản họp mặt gia đình ngày 08-02-2009 ông hoàn toàn không biết, không có ký tên vào hợp đồng cũng như biên bản họp mặt gia đình. Đến khi cha mẹ ông có ý định cho thêm bà Võ Thị B1 Sáu 01 liếp đất vào khoảng năm 2016-2017 thì gia đình mới phát hiện phần đất còn lại ông Ú đã làm thủ tục sang tên cho ông Ú. Từ đó, gia đình phát sinh tranh chấp cho đến nay. Ông đã biết nội dung kết luận giám định số 666/C09B ngày 09-01-2020 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh xác định chữ ký Võ Văn Bé H trong Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 09-02-2009 và Biên bản họp mặt gia đình ngày 08-02-2009 so với chữ ký mẫu của ông là do cùng một người ký, nay ông khẳng định ông không có ký, nay ông không yêu cầu giám định lại. Cả cha mẹ ông, các em của ông là ông Bé B, bà Bé T2, bà Bé S và ông P đều không có ký vào hai văn bản trên và hoàn toàn không biết gì về Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 09-02-2009 và Biên bản họp mặt gia đình ngày 08-02-2009, theo ông là do ông Ú tự làm. Nay thửa đất 1034, tờ bản đồ số 2, diện tích 3.453m^2 là tài sản chung của cụ H, cụ T2 và một nửa diện tích thửa đất 1034 là di sản thừa kế của cha ông để lại, ông đồng ý chia làm 07 phần cho mẹ ông, ông và các em của ông, phần của ông sẽ tặng cho lại cho bà S.

Ông Võ Văn Q trình bày: Ông là cháu nội của cụ Lê Thị T và cụ Võ Văn H, ông là con của ông Võ Văn Bé H. Khi ông nội ông còn sống thì ông nội và bà nội có cho ông một phần đất để cất nhà ở trên phần đất nay là thửa 316, tờ bản đồ số 18 tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang (Nay là ấp T, xã H, tỉnh Đồng Tháp) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00844 ngày 28-6-2013 của Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho Võ Văn Ú, Nguyễn Thị Cẩm C, ông Ú, bà C đã tặng cho con ruột là Võ Minh T3 ngày 12-10-2017. Ông bà nội ông cho đất, ông cất nhà ở vào năm 1993, khi đó nói là cho 01 nền nhà chứ không rõ diện tích bao nhiêu, từ chỗ căn nhà chạy dọc ra giáp lộ (Chiều ngang 3,9m, chiều dài khoảng 11m). Ban đầu, ông cất nhà lá, đến năm 2010 thì cất nhà tường kiên cố (Chưa tô) như hiện nay và ở liên tục từ năm 1993 cho đến nay, không có ai ngăn cản. Ông hoàn toàn không biết việc ông nội làm thủ tục cho đất cho chú út là ông Ú và vợ là bà C. Đến nay ông mới biết chỗ đất ông đang cất nhà ở do ông Ú, bà C đứng tên và hiện đã tặng cho anh T3. Nay bà nội ông là cụ T kiện yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho đất đối với ông Ú, bà C và hủy giấy chứng nhận có liên quan đến phần đất này, ông không có ý kiến gì, yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật, ông vẫn tiếp tục ở trên căn nhà.

Anh Nguyễn Thanh H1 trình bày: Anh có nhận chuyển nhượng hai thửa đất

trên của anh Ú, hai bên có làm giấy tay. Giá trị chuyển nhượng là 2.000.000.000 đồng, nhưng anh mới chỉ giao cho anh Ú 1.800.000.000 đồng, phía anh Ú chưa giao đất. Đến khi làm giấy tờ đất thì anh mới phát hiện ra đất đang tranh chấp không sang tên được. Nay anh không yêu cầu giải quyết về tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa anh và anh Ú trong vụ án này, nếu anh Ú còn đất sau khi Tòa án giải quyết vụ án này thì anh yêu cầu anh Ú giao đất, còn không còn thì anh yêu cầu anh Ú trả lại tiền, hai bên sẽ tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu giải quyết chung trong vụ án này.

Tại phiên tòa,

- Anh Hồ Trung T1 là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có thay đổi và rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, cụ T chỉ yêu cầu phía anh Võ Văn Ú chị Nguyễn Thị Cẩm C và anh Võ Minh T3 chia cho cụ một kỷ phần thừa kế là 1.000m^2 đất để cụ tặng cho con là bà Võ Thị Bé S. Phần đất cụ T yêu cầu chia là một phần của thửa đất 316, tờ bản đồ số 18 tại ấp T, xã H, tỉnh Đồng Tháp theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do anh Võ Minh T3 đang đứng tên quyền sử dụng đất. Đồng thời, anh T1 là người đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, bà Võ Thị Bé T2, bà Võ Thị Bé S, ông Võ Văn Bé H có ý kiến rút lại yêu cầu khởi kiện độc lập của bà T2, bà S và ông H.

- Bà Võ Thị Bé S đồng ý theo yêu cầu của cụ Lê Thị T, bà đồng ý nhận phần đất 1.000m^2 mà cụ T tặng cho, không có ý kiến gì khác. Đối với phần đất còn lại của thửa 316, thửa đất 345 bà đồng ý tiếp tục canh tác và sử dụng hoa lợi thu được để chăm sóc cụ T, khi cụ T qua đời sẽ trả lại cho ông Ú, bà C, anh T3.

- Anh Võ Văn Ú, Nguyễn Thị Cẩm C và anh Võ Minh T3 đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của cụ T, anh T3 sẽ giao cho bà S 1.000m^2 đất, là một phần của thửa đất 316, tờ bản đồ số 18 (Nay là tờ bản đồ số 62) tại ấp T, xã H, tỉnh Đồng Tháp theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hiện do anh T3 đứng tên. Phần còn lại của thửa đất 316 và thửa đất 345 cùng toàn bộ tài sản trên đất sẽ tiếp tục giao cho bà Võ Thị Bé S canh tác để có hoa lợi chăm sóc cho cụ T, khi cụ T qua đời thì bà S phải trả lại đất, tài sản trên đất này cho ông Ú, bà C, anh T3.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Đồng Tháp phát biểu ý kiến, theo đó việc tuân theo pháp luật của Thư ký, Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Cụ Lê Thị T khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế, hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Phần đất mà các bên yêu cầu phân chia tại ấp T, xã H, tỉnh Đồng Tháp nên thẩm quyền giải quyết là của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đồng Tháp theo quy định tại khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án năm 2025.

[2] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Võ Văn B2 Ba không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do; ông Võ Văn P, Võ Văn Q, Nguyễn Thanh H1 và Ủy ban nhân dân xã H có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự đã nêu.

[3] Anh Hồ Trung T1 là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút lại các yêu cầu về: Hủy biên bản họp mặt gia đình ngày 08-02-2009; Hủy hợp đồng tặng cho số 08 HĐ-TC ngày 09-02-2009 được Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang ký xác nhận ngày 10-02-2009; Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H04969 ngày 27-02-2009 và số H04968 ngày 27-02-2009 của Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho Võ Văn Ú và Nguyễn Thị Cẩm C; Hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa Võ Văn Ú, Nguyễn Thị Cẩm C và Võ Minh T3 ngày 08-7-2017. Đối với yêu cầu khởi kiện độc lập của bà Võ Thị Bé S, bà Võ Thị Bé T2, ông Võ Văn Bé H về việc yêu cầu chia di sản thừa kế cho các ông bà mỗi người một kỷ phần có diện tích 246,6m^2 các đương sự cũng xin rút lại. Ông Võ Văn P có ý kiến không yêu cầu phân chia di sản, từ chối nhận phần di sản được hưởng. Xét việc rút lại các yêu cầu này của nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu khởi kiện độc lập là tự nguyện nên Hội đồng xét xử ghi nhận, đình chỉ xét xử.

[4] Đối với yêu cầu của cụ Lê Thị T về việc yêu cầu ông Võ Văn Ú, bà Nguyễn Thị Cẩm C và anh Võ Minh T3 phải chia cho bà Võ Thị S 1.000m^2 đất, Hội đồng xét xử xét thấy:

Cụ Lê Thị T và cụ Võ Văn H hiện có những người con gồm: Võ Văn Bé H, Võ Văn Bé B, Võ Thị Bé T2, Võ Văn P, Võ Thị Bé S và Võ Văn Ú. Khi cụ H và cụ T2 già yếu thì bà Võ Thị Bé S là người nuôi dưỡng, chăm sóc nên cụ H, cụ T2 có nguyện vọng tặng cho thêm bà S 01 công đất để bù đắp công sức mà bà S đã bỏ ra. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của cụ T2 đã rút lại một phần yêu cầu chia di sản thừa kế và chỉ còn yêu cầu anh Võ Minh T3 là con của ông Võ Văn Ú, bà Nguyễn Thị Cẩm C phải chia cho cụ T2 1.000m^2 đất là một phần của thửa đất số 316, tờ bản đồ số 18 (Nay là thửa số 62) tại ấp T, xã H, tỉnh

Đồng Tháp (Trước đây là ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang) hiện do anh T3 đứng tên quyền sử dụng đất để cụ T2 tặng cho bà Võ Thị Bé S. Bà S, ông Võ Văn Ú, chị Nguyễn Thị Cẩm C và anh Võ Minh T3 đồng ý theo yêu cầu của cụ T2. Theo lời khai của ông Ú, bà C, anh T3 và anh Nguyễn Thanh H1 thì thửa đất 316 hiện nay ông Ú, bà C, anh T3 đã chuyển nhượng cho anh H1 nhưng anh H1 có ý kiến không tranh chấp, trường hợp nếu ông Ú, bà C, anh T3 không còn đất để giao thì anh H1 yêu cầu trả lại tiền, các bên sẽ thỏa thuận giải quyết sau. Ngoài ra, trên phần đất mà cụ T2 yêu cầu được chia để tặng cho bà S hiện có 01 căn nhà do anh Võ Văn Q đang ở, bà S có ý kiến việc này để bà và anh Q tự thỏa thuận giải quyết sau. Phía anh T3, ông Ú, bà C và bà S còn thỏa thuận sau khi chia cho cụ T2 1.000m^2 thì phần còn lại của thửa đất 316 và thửa đất 345 cùng toàn bộ tài sản trên đất sẽ tiếp tục giao cho bà S canh tác để sử dụng hoa lợi chăm sóc cho cụ T2, đến khi cụ T2 qua đời thì bà S phải trả lại đất, tài sản trên đất ở phần này lại cho ông Ú, bà C và anh T3. Phía cụ T2, ông H, bà T2, bà S cũng sẽ không tranh chấp đối với phần còn lại của thửa 316 và thửa đất 345 cùng tài sản trên đất sau này. Xét việc thỏa thuận của các đương sự như đã nêu trên là tự nguyện, không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bên thứ ba, không trái pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về chi phí tố tụng: Anh Hồ Trung T1 là đại diện theo ủy quyền của cụ Lê Thị T có ý kiến là phía nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ chi phí tố tụng, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử ghi nhận, không đặt ra giải quyết.

[6] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận nên cụ T phải chịu án phí đối với phần di sản được chia, nhưng do cụ T là người cao tuổi nên được cho miễn nộp theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[7] Xét đề nghị của Kiểm sát viên phù hợp với lời trình bày của đương sự cùng các tài liệu, chứng cứ đã được làm rõ tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 5 Điều 26, điểm c khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án năm 2025; Điều 609, Điều 612, Điều 613, Điều 649, Điều 650, Điều 651, Điều 660 của Bộ luật Dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Đình chỉ xét xử đối với các yêu cầu của cụ Lê Thị T về việc: Hủy biên bản họp mặt gia đình ngày 08-02-2009; Hủy hợp đồng tặng cho số 08 HĐ-TC ngày 09-02-2009 được Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang ký xác nhận ngày 10-02-2009; Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H04969 ngày 27-02-2009 và số H04968 ngày 27-02-2009 của Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho Võ Văn Ú và Nguyễn Thị Cẩm C; Hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa Võ Văn Ú, Nguyễn Thị Cẩm C và Võ Minh T3 ngày 08-7-2017.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện độc lập của bà Võ Thị Bé S, ông Võ Văn P, bà Võ Thị Bé T2, ông Võ Văn Bé H về việc yêu cầu chia di sản thừa kế cho các ông bà mỗi người một kỷ phần có diện tích 246,6m^2.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của cụ Lê Thị T.

- Buộc anh Võ Minh T3 có nghĩa vụ chia cho cụ Lê Thị T phần đất có diện tích 1.000m^2, loại đất trồng cây lâu năm, (Được ký hiệu tại vị trí số 1 trên Phiếu đo đạc chỉnh lý thửa đất ngày 26-9-2025 của Chi nhánh Văn phòng Đ, tỉnh Đồng Tháp), là một phần của thửa đất số 316, tờ bản đồ số 18 (Nay là tờ bản đồ số 62) tại ấp T, xã H, tỉnh Đồng Tháp (Trước đây là ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00844 ngày 28-6-2013 của Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho ông Võ Văn Ú, bà Nguyễn Thị Cẩm C, được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C, tỉnh Tiền Giang (Nay là chi nhánh Văn phòng Đ, tỉnh Đồng Tháp) xác nhận tặng cho anh Võ Minh T3 ngày 12-10-2017 theo hồ sơ số 025431.TA.001. Có tứ cận như sau:

+ Phía Đông giáp: Phần còn lại của thửa đất số 316;

+ Phía Tây giáp: Phần còn lại của thửa đất số 316;

+ Phía Nam giáp: Đường R - Rạch X;

+ Phía Bắc giáp: Thửa đất số 317.

Có sơ đồ kèm theo.

- Ghi nhận sự tự nguyện của cụ Lê Thị Tư T6 cho phần đất 1.000m^2 nêu trên cho bà Võ Thị Bé S.

- Bà Võ Thị Bé S, anh Võ Minh T3 được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các nội dung đã nêu trên theo quy định của pháp luật.

- Ghi nhận sự tự nguyện của ông Võ Văn Ú, Nguyễn Thị Cẩm C và anh Võ Minh T3 về việc tiếp tục giao phần còn lại của thửa đất 316, thửa đất số 345 và toàn bộ các tài sản trên đất cho bà Võ Thị B1 Sáu tiếp tục sử dụng, canh tác và thu hoa lợi để nuôi dưỡng, chăm sóc cụ bà Lê Thị T cho đến khi cụ T chết.

- Ghi nhận sự tự nguyện của ông Võ Văn Bé H, Võ Văn P, Võ Thị Bé S, Võ Thị Bé T2 và cụ Lê Thị T không tranh chấp di sản thừa kế đối với phần còn

lại của thửa đất 316, thửa đất 345 cùng toàn bộ tài sản trên hai thửa đất. Ngay sau khi cụ T chết, phần còn lại của thửa đất 316, thửa đất số 345 sẽ được bàn giao cho ông Võ Văn Ú, bà Nguyễn Thị Cẩm C và anh Võ Minh T3.

4. Về án phí:

- Cụ Lê Thị T được cho miễn nộp án phí. Cụ T được nhận lại 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 15215 ngày 25-01-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

- Ông Võ Văn Bé H, bà Võ Thị Bé T2, ông Võ Văn P, bà Võ Thị Bé S mỗi người được nhận lại 500.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo các biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 15484, 15486, 15485, 15487 cùng ngày 18-4-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự (Hoặc đương sự có người đại diện theo ủy quyền) có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Thời hạn kháng cáo của đương sự vắng mặt tại phiên tòa là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND khu vực 4 – Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Nguyễn Anh Thực